**BẢNG SO SÁNH DỰ THẢO SỬA ĐỔI THÔNG TƯ 23/2017/TT-BGTVT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thông tư 23/2017/TT-BGTVT** | **Dự thảo Thông tư sửa đổi bổ sung**  **BẢN TRÌNH** | **Dự thảo Thông tư sửa đổi bổ sung**  **SAU KHI TIẾP THU** |  |
| *Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;* | *Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;* | *Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;* |  |
| *Căn cứ Nghị định số 12/20177NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;* | *Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;* | *Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;* | Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật mới |
| *Căn cứ Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên năm 1978 sửa đổi năm 2010 mà Việt Nam là thành viên;* | *Căn cứ Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên năm 1978 và các sửa đổi mà Việt Nam là thành viên;* | *Căn cứ Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên năm 1978 và các sửa đổi mà Việt Nam là thành viên;* |  |
| *Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;* | *Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;* | *Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;* |  |
| *Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về chức danh, nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên và đăng ký thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam.* | *Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 07 năm 2017 tư quy định về chức danh, nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên và đăng ký thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam.* | *Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 07 năm 2017 tư quy định về chức danh, nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên và đăng ký thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam.* |  |
| **Chương III** |  |  |  |
| **ĐĂNG KÝ THUYỀN VIÊN, CẤP SỔ THUYÊN VIÊN** |  |  |  |
| **Điều 51. Trách nhiệm của chủ tàu, thuyền trưởng và tổ chức cung ứng thuyền viên** |  |  |  |
| 1. Trách nhiệm của chủ tàu: |  |  |  |
| a) Bố trí chức danh thuyền viên làm việc trên tàu và xác nhận đầy đủ, chính xác việc bố trí chức danh thuyền viên trong Sổ thuyền viên và chịu trách nhiệm về việc xác nhận; |  |  |  |
| b) Khai báo ngày xuống, rời tàu và việc bố trí chức danh cho thuyền viên làm việc trên tàu do mình quản lý bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam và chịu trách nhiệm về việc khai báo. |  |  |  |
| 2. Trách nhiệm của thuyền trưởng: |  |  |  |
| a) Xác nhận chức danh mới vào Sổ thuyền viên cho thuyền viên đang công tác trên tàu theo lệnh điều động hoặc điện ủy quyền của công ty; |  |  |  |
| b) Xác nhận đầy đủ, chính xác địa điểm, thời gian xuống tàu và rời tàu của thuyền viên trong Sổ thuyền viên và chịu trách nhiệm về việc xác nhận. |  |  |  |
|  | **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 51 như sau:** | **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 51 như sau:** |  |
| 3. Trách nhiệm của tổ chức cung ứng thuyền viên khi bố trí thuyền viên làm việc trên tàu biển nước ngoài: Khai báo ngày xuống, rời tàu và chức danh thuyền viên do mình quản lý làm việc trên tàu biển nước ngoài bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam và chịu trách nhiệm về việc khai báo. | 3. Trách nhiệm của tổ chức cung ứng thuyền viên khi bố trí thuyền viên làm việc trên tàu biển của chủ tàu nước ngoài: | 3. Trách nhiệm của tổ chức cung ứng thuyền viên khi bố trí thuyền viên làm việc trên tàu biển của chủ tàu nước ngoài: |  |
|  | a) Xác nhận đầy đủ, chính xác việc bố trí chức danh thuyền viên trong Sổ thuyền viên và chịu trách nhiệm về việc xác nhận (trong trường hợp chủ tàu có trụ sở ở ngoài lãnh thổ Việt Nam); | a) Xác nhận đầy đủ, chính xác việc bố trí chức danh thuyền viên trong Sổ thuyền viên và chịu trách nhiệm về việc xác nhận trong trường hợp chủ tàu có trụ sở ở ngoài lãnh thổ Việt Nam; | Quy định bổ sung cho rõ ràng, phù hợp với thực tế và tạo thuận lợi cho thuyền viên  Trong thực tế, thuyền viên được tổ chức cung ứng bố trí đi làm việc trên tàu biển nước ngoài. Do đặc thù ngành, hầu hết thuyền viên nhập tàu tại cảng biển ở quốc gia khác với nơi đặt trụ sở của chủ tàu, và trong cả quá trình lao động trên tàu thuyền viên không tiếp xúc với chủ tàu cũng như không đến trụ sở làm việc của chủ tàu. Nếu yêu cầu lấy xác nhận của chủ tàu trong trường hợp này là chưa phù hợp, gây khó khăn bất cập cho thuyền viên. |
|  | b) Khai báo ngày xuống, rời tàu và chức danh thuyền viên do mình cung ứng làm việc trên tàu biển nước ngoài bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam và chịu trách nhiệm về việc khai báo. | b) Khai báo ngày xuống, rời tàu và chức danh thuyền viên do mình cung ứng làm việc trên tàu biển nước ngoài bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam và chịu trách nhiệm về việc khai báo. |  |
| 4. Việc khai báo việc bố trí chức danh, ngày xuống tàu và ngày rời tàu của thuyền viên quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này phải được thực hiện chậm nhất năm (05) ngày làm việc kể từ ngày thuyền viên thực tế xuống tàu hoặc rời tàu. |  |  |  |
| Điều 52. Quy định về chỉnh sửa nội dung đã xác nhận trong Sổ thuyền viên |  |  |  |
| 1. Chủ tàu, thuyền trưởng có thẩm quyền chỉnh sửa các nội dung đã xác nhận trong Sổ thuyền viên khi có sai sót, nhầm lẫn. |  |  |  |
| 2. Khi phát hiện việc xác nhận các nội dung trong Sổ thuyền viên có sai sót, nhầm lẫn, chủ tàu, thuyền trưởng phải tiến hành chỉnh sửa ngay, bằng cách: Gạch chéo toàn bộ trang bị sai sót, nhầm lẫn; ký tên, đóng dấu để xác nhận hủy bỏ nội dung tại trang đó; xác nhận đầy đủ các nội dung theo quy định vào trang tiếp theo của Sổ thuyền viên. |  |  |  |
|  | **2. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 như sau:** | **2. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 như sau:** |  |
| **Điều 53. Thủ tục đăng ký và cấp Sổ thuyền viên** |  |  |  |
| 1. Tổ chức, cá nhân nộp một (01) bộ hồ sơ đề nghị đăng ký và cấp Sổ thuyền viên trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến một trong các cơ quan đăng ký ~~quy định tại khoản 3 Điều 49 của Thông tư này~~. Hồ sơ bao gồm: | 1. *Tổ chức*, cá nhân nộp một (01) bộ hồ sơ đề nghị đăng ký và cấp Sổ thuyền viên trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc *qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến* đến một trong các *Cơ quan đăng ký thuyền viên*. Hồ sơ bao gồm: | 1. *Tổ chức*, cá nhân nộp một (01) bộ hồ sơ đề nghị đăng ký và cấp Sổ thuyền viên trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc *qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến một trong các Cơ quan đăng ký thuyền viên*. Hồ sơ bao gồm: | Điều chỉnh lại, bổ sung trường hợp thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng |
| a) Tờ khai đề nghị cấp Sổ thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư này; | a) Tờ khai đề nghị cấp Sổ thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư này; | a) Tờ khai đề nghị cấp Sổ thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư này; | Giữ nguyên như Thông tư 23 |
| b) Hai ảnh màu 4x6 cm, kiểu Chứng minh nhân dân chụp trong vòng sáu (06) tháng; | b) Hai (02) ảnh màu, cỡ 4cm x 6cm, *theo quy định chụp căn cước công dân* chụp trong vòng 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ; | b) Hai (02) ảnh màu, cỡ 4cm x 6cm, *theo* ***kiểu*** *chụp ảnh căn cước công dân,* chụp trong vòng 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ; | Chỉnh sửa cho phù hợp thực tế |
| c) Bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; | c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc *bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính* Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu *đối với trường hợp không có căn cước công dân.* | c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc *bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính* Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu *đối với trường hợp không có căn cước công dân.* | Điều chỉnh lại, bổ sung trường hợp thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng  Bỏ thành phần hồ sơ CCCD theo yêu cầu của Đề án 06 |
| d) Bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản; | d) *Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc* hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu *hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính* Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản; | d) *Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc* hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu *hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính* Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản; | Điều chỉnh lại, bổ sung trường hợp thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng |
| đ) Chứng chỉ chuyên môn phù hợp với chức danh đảm nhận đối với các chức danh không yêu cầu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (đối với thuyền viên); | đ) *Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc* hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu *hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính văn bằng*, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với chức danh đảm nhận đối với các chức danh không yêu cầu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (đối với thuyền viên); | đ) *Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc* hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu *hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính văn bằng*, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với chức danh đảm nhận đối với các chức danh không yêu cầu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (đối với thuyền viên); | Điều chỉnh lại, bổ sung trường hợp thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng |
| e) Văn bản tiếp nhận thực tập của chủ tàu (đối với học viên thực tập). | e) Văn bản tiếp nhận thực tập của chủ tàu (đối với học viên thực tập). | e) ***Bản gốc hoặc Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính*** *văn bản tiếp nhận thực tập của chủ tàu (đối với học viên thực tập).* | Tiếp thu ý kiến của Văn phòng Bộ |
|  | ~~g) Đối với trường hợp Tổ chức nộp hồ sơ:~~ *~~Văn bản đề nghị~~* ~~cấp Sổ thuyền viên~~*~~theo mẫu tại Phụ lục III, kèm theo các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a (~~*~~có xác nhận của tổ chức),b,c,d,đ,e của khoản này.~~ |  | Bỏ theo thống nhất tại cuộc họp ngày rà soát ngày 11/8/2023 |
| 2. Cơ quan đăng ký thuyền viên tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau: | 2. Cơ quan đăng ký thuyền viên tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau: | 2. Cơ quan đăng ký thuyền viên tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau: |  |
| a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ; | a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ; | a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả **theo thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này**; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ; | Tiếp thu ý kiến của VP Bộ |
| b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian chậm nhất hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thì cơ quan đăng ký thuyền viên gửi văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ. | b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc *qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến*, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian chậm nhất hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thì cơ quan đăng ký thuyền viên ~~gửi văn bản~~ hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ. | b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc *qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến*, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian chậm nhất hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thì cơ quan đăng ký thuyền viên hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ ***(gửi bằng văn bản hoặc thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến).*** | Điều chỉnh lại, bổ sung trường hợp thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng  Điều chỉnh bổ sung cho rõ ràng, dễ hiểu hơn |
| 3. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký thuyền viên thực hiện việc vào Sổ đăng ký thuyền viên và cấp Sổ thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục I của Thông tư này. Trường hợp không cấp, cơ quan đăng ký thuyền viên phải trả lời bằng văn bản trong thời hạn quy định tại khoản này và nêu rõ lý do. | 3. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ *hợp lệ,* theo quy định, cơ quan đăng ký thuyền viên thực hiện việc vào Sổ đăng ký thuyền viên và cấp Sổ thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục I của Thông tư này. Trường hợp không cấp, cơ quan đăng ký thuyền viên phải trả lời bằng văn bản trong thời hạn quy định tại khoản này và nêu rõ lý do. | 3. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ *hợp lệ,* theo quy định, cơ quan đăng ký thuyền viên thực hiện việc vào Sổ đăng ký thuyền viên và cấp Sổ thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục I của Thông tư này. Trường hợp không cấp, cơ quan đăng ký thuyền viên phải trả lời bằng văn bản trong thời hạn quy định tại khoản này và nêu rõ lý do. | Điều chỉnh lại, bổ sung trường hợp thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng |
| 4. Lệ phí cấp Sổ thuyền viên thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính. | ~~4. Lệ phí cấp Sổ thuyền viên thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.~~ | *4. Phí và lệ phí cấp Sổ thuyền viên thực hiện theo quy định pháp luật về phí, lệ phí và hướng dẫn của Bộ Tài chính*. | Tiếp thu theo ý kiến của Vụ Tài chính |
|  | **3. Sửa đổi bổ sung Điều 54 như sau:** | **3. Sửa đổi bổ sung Điều 54 như sau:** |  |
| **Điều 54. Thủ tục cấp lại Sổ thuyền viên** |  |  |  |
| 1. Thuyền viên đã được cấp Sổ thuyền viên sẽ được cấp lại Sổ thuyền viên trong trường hợp bị mất, bị hỏng, bị hết số trang sử dụng, hoặc ~~bị sai~~ thông tin. | 1. Thuyền viên đã được cấp Sổ thuyền viên sẽ được cấp lại Sổ thuyền viên trong trường hợp bị mất, bị hỏng, bị hết số trang sử dụng, hoặc *thay đổi* thông tin *cá nhân đã được ghi trong sổ thuyền viên*. | 1. Thuyền viên đã được cấp Sổ thuyền viên sẽ được cấp lại Sổ thuyền viên trong trường hợp bị mất, bị hỏng, bị hết số trang sử dụng, hoặc *thay đổi* thông tin *cá nhân đã được ghi trong Sổ thuyền viên*. | Chỉnh sửa cho phù hợp thực tế |
| 2. Tổ chức, cá nhân nộp một (01) bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Sổ thuyền viên trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến một trong các cơ quan đăng ký thuyền viên. Hồ sơ cấp lại Sổ thuyền viên bao gồm: | 2. Tổ chức, cá nhân nộp một (01) bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Sổ thuyền viên trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc *qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến* đến một trong các cơ quan đăng ký thuyền viên. Hồ sơ cấp lại Sổ thuyền viên bao gồm: | 2. Tổ chức, cá nhân nộp một (01) bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Sổ thuyền viên trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc *qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến* đến một trong các Cơ quan đăng ký thuyền viên. Hồ sơ cấp lại Sổ thuyền viên bao gồm: | Điều chỉnh lại, bổ sung trường hợp thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng |
| a) Tờ khai đề nghị cấp lại Sổ thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư này; | a) Tờ khai đề nghị cấp lại Sổ thuyền viêntheo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư này; | a) Tờ khai đề nghị cấp lại Sổ thuyền viêntheo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư này; | Giữ nguyên như Thông tư 23 |
| b) Sổ thuyền viên đã cấp (đối với trường hợp bị hỏng, hết số trang sử dụng hoặc ~~bịsai~~ thông tin); | b) Sổ thuyền viên đã cấp (đối với trường hợp bị hỏng, hết số trang sử dụng hoặc *thay đổi* thông tin); | b) Sổ thuyền viên đã cấp (đối với trường hợp bị hỏng, hết số trang sử dụng hoặc *thay đổi* thông tin); | Chỉnh sửa cho phù hợp thực tế |
| c) Giấy tờ có giá trị pháp lý chứng minh sự điều chỉnh đối với trường hợp bị sai thông tin; | c) Giấy tờ có giá trị pháp lý chứng minh sự điều chỉnh đối với trường hợp *thay đổi* thông tin; | c) ***Bản gốc hoặc Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính*** giấy tờ có giá trị pháp lý chứng minh sự điều chỉnh đối với trường hợp *thay đổi* thông tin; | Chỉnh sửa cho phù hợp thực tế |
| ~~d) Bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;~~ |  |  | Bỏ thành phần hồ sơ. Vì thông tin này đã có trong cơ sở dữ liệu khi thực hiện thủ tục cấp mới. |
| đ) Hai ảnh màu 4x6 cm, kiểu Chứng minh nhân dân chụp trong vòng sáu (06) tháng. | d) Hai (02) ảnh màu, cỡ 4cm x 6cm, *theo quy định chụp căn cước công dân* chụp trong vòng 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ. | d) Hai (02) ảnh màu, cỡ 4cm x 6cm, *theo* ***kiểu*** *chụp ảnh căn cước công dân,* chụp trong vòng 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ. | Chỉnh sửa cho phù hợp thực tế |
|  | ~~đ) Đối với trường hợp Tổ chức nộp hồ sơ:~~ *~~Văn bản đề nghị~~* ~~cấp Sổ thuyền viên~~*~~theo mẫu tại Phụ lục III, kèm theo các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a (~~*~~có xác nhận của tổ chức),b,c,d của khoản này.~~ |  | Bỏ theo thống nhất tại cuộc họp ngày rà soát ngày 11/8/2023 |
| 3. Cơ quan đăng ký thuyền viên tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau: | 3. Cơ quan đăng ký thuyền viên tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau: | 3. Cơ quan đăng ký thuyền viên tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau: |  |
| a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ; | a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ; | a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả **theo thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này**; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ; | Tiếp thu ý kiến của VP Bộ |
| b) Trường hợp nhận hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian chậm nhất hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thì cơ quan đăng ký thuyền viên gửi văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ. | b) Trường hợp nhận hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc *qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến*, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian chậm nhất hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thì Cơ quan đăng ký thuyền viên gửi văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ. | b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc *qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến*, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian chậm nhất hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thì Cơ quan đăng ký thuyền viên hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ ***(gửi bằng văn bản hoặc thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến).*** | Bổ sung quy định để đảm bảo tuân thủ theo quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng |
| 4. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký thuyền viên tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo việc cấp lại cho cơ quan đã cấp Sổ thuyền viên trước đó, thực hiện việc vào Sổ đăng ký thuyền viên và cấp Sổ thuyền viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này, đồng thời trả lại Sổ thuyền viên cũ (nếu có) cho thuyền viên tự bảo quản (sau khi đã gạch chéo những trang còn trống, đục lỗ Sổ thuyền viên và phô tô một bản để lưu hồ sơ). Trường hợp không cấp lại Sổ thuyền viên, cơ quan đăng ký thuyền viên phải trả lời bằng văn bản trong thời hạn quy định tại khoản này và nêu rõ lý do. | 4. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ *hợp lệ* theo quy định, Cơ quan đăng ký thuyền viên tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo việc cấp lại cho Cơ quan đã cấp Sổ thuyền viên trước đó, thực hiện việc vào Sổ đăng ký thuyền viên và cấp Sổ thuyền viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này, đồng thời trả lại Sổ thuyền viên cũ (nếu có) cho thuyền viên tự bảo quản (sau khi đã gạch chéo những trang còn trống, đục lỗ Sổ thuyền viên và phô tô một bản để lưu hồ sơ).Trường hợp không cấp lại Sổ thuyền viên, cơ quan đăng ký thuyền viên phải trả lời bằng văn bản trong thời hạn quy định tại khoản này và nêu rõ lý do. | 4. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ *hợp lệ* theo quy định,Cơ quan đăng ký thuyền viên tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo việc cấp lại cho Cơ quan đã cấp Sổ thuyền viên trước đó, thực hiện việc vào Sổ đăng ký thuyền viên và cấp Sổ thuyền viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này, đồng thời trả lại Sổ thuyền viên cũ (nếu có) cho thuyền viên tự bảo quản (sau khi đã gạch chéo những trang còn trống, đục lỗ Sổ thuyền viên và phô tô một bản để lưu hồ sơ).Trường hợp không cấp lại Sổ thuyền viên, cơ quan đăng ký thuyền viên phải trả lời bằng văn bản trong thời hạn quy định tại khoản này và nêu rõ lý do. | Chỉnh sửa cho phù hợp thực tế |
| 5. Lệ phí cấp lại Sổ thuyền viên thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính. | 5. Lệ phí cấp lại Sổ thuyền viên thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính. | 5. Phí và lệ phí cấp lại Sổ thuyền viên thực hiện theo quy định pháp luật về phí, lệ phí và hướng dẫn của Bộ Tài chính. | Theo ý kiến của Vụ Tài chính |
|  | 4. Sửa đổi tên Điều 55, sửa đổi khoản 1 và bổ sung khoản 3, 4 Điều 55 như sau: | 4. Sửa đổi tên Điều 55, sửa đổi khoản 1 và bổ sung khoản 3, 4 Điều 55 như sau: |  |
| **Điều 55. Thu hồi Sổ thuyền viên** | **Điều 55. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính; thu hồi sổ thuyền viên** | **Điều 55. Thu hồi sổ thuyền viên và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính** | Điều chỉnh, bổ sung thêm trách nhiệm của đối tượng làm thủ tục hành chính và người thực hiện giải quyết thủ tục hành chính, phòng chống giải mạo, các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu. |
| 1. Sổ thuyền viên đã cấp bị thu hồi khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây: | 1. Sổ thuyền viên đã cấp bị thu hồi và xử lý theo quy định của pháp luật khi ~~cố tình~~ khai báo sai lệch thông tin hoặc sử dụng giấy tờ sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ cấp Sổ thuyền viên. | 1. Sổ thuyền viên đã cấp bị thu hồi và xử lý theo quy định của pháp luật khi khai báo sai lệch thông tin hoặc sử dụng giấy tờ sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ cấp Sổ thuyền viên. | Chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp thực tế, và theo thống nhất tại cuộc họp ngày rà soát ngày 11/8/2023 |
| ~~a) Giả mạo hoặc sửa chữa, tẩy xóa trái quy định, làm sai lệch nội dung trong Sổ thuyền viên;~~ |  |  | Bỏ nội dung này vì hành vi đã được quy định tại Điều 50, Thông tư 23, và quy định xử phạt hành chính tại Nghị định 123. |
| ~~b) Mua bán, cho thuê, cho mượn Sổ thuyền viên;~~ |  |  | Bỏ nội dung này vì hành vi đã được quy định tại Điều 50, Thông tư 23, và quy định xử phạt hành chính tại Nghị định 123. |
| c) Cố tình khai báo sai lệch thông tin hoặc sử dụng giấy tờ sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ cấp Sổ thuyền viên. |  |  | Chuyển nội dung này lên khoản 1 |
| 2. Cơ quan đăng ký thuyền viên có thẩm quyền thu hồi Sổ thuyền viên. Sau khi thu hồi Sổ thuyền viên, cơ quan đăng ký thuyền viên phải thông báo cho đơn vị đã cấp Sổ thuyền viên đó và báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam bằng văn bản. |  |  |  |
|  | *3. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính.* | *3. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính.* |  |
|  | *4. Cơ quan có thẩm quyền cấp, cấp lại sổ thuyền viên phải thực hiện đúng thẩm quyền, thủ tục và thời hạn; không yêu cầu nộp thêm bất cứ giấy tờ nào mà Thông tư này không quy định trong thành phần hồ sơ và không phải chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ do tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện thủ tục hành chính.* | *4. Cơ quan đăng ký thuyền viên phải thực hiện đúng thẩm quyền, thủ tục và thời hạn cấp, cấp lại sổ thuyền viên.* | Quy định rõ trách nhiệm công chức thực hiện thủ tục hành chính, tránh phát sinh hồ sơ giấy tờ, nhũng nhiễu theo quy định tại NĐ 61,  Điều chỉnh theo thống nhất tại cuộc họp ngày rà soát ngày 11/8/2023 |
| **Chương IV** |  |  |  |
| **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |  |  |
|  | **5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 56 như sau** | **5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 56 như sau** |  |
| **Điều 56. Hiệu lực thi hành** |  |  |  |
| 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2017, bãi bỏ các Thông tư sau: |  |  |  |
| a) Thông tư số [07/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-07-2012-tt-bgtvt-chuc-danh-nhiem-vu-theo-chuc-danh-137203.aspx) ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về chức danh, nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên và đăng ký thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam; |  |  |  |
| b) Thông tư số [04/2013/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-04-2013-tt-bgtvt-sua-doi-thong-tu-07-2012-tt-bgtvt-180574.aspx)ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [07/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-07-2012-tt-bgtvt-chuc-danh-nhiem-vu-theo-chuc-danh-137203.aspx) ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về chức danh, nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên và đăng ký thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam. |  |  |  |
| 2. Ban hành kèm theo Thông tư này 02 phụ lục: | 2. Ban hành kèm theo Thông tư này 03 phụ lục: |  |  |
| a) Phụ lục I: mẫu Sổ thuyền viên; | a) Phụ lục I: mẫu Sổ thuyền viên; |  | Giữ nguyên như Thông tư 23 |
| b) Phụ lục II: mẫu Tờ khai đề nghị cấp Sổ thuyền viên. | b) Phụ lục II: mẫu Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại Sổ thuyền viên *~~của cá nhân~~*. | b) Phụ lục II: mẫu Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại Sổ thuyền viên | Sửa đổi cho phù hợp với thực tế |
|  | ~~c) Phụ lục III:~~ *~~mẫu văn bản đề nghị~~* ~~cấp, cấp lại Sổ thuyền viên~~*~~của tổ chức.~~* |  | Điều chỉnh theo thống nhất tại cuộc họp ngày rà soát ngày 11/8/2023 |
| 3. ~~Cục Hàng hải Việt Nam~~ tổ chức in và cấp Sổ thuyền viên theo quy định tại Thông tư này. | 3. *Cơ quan đăng ký thuyền viên* tổ chức in và cấp Sổ thuyền viên theo quy định tại Thông tư này. | 3. *Cơ quan đăng ký thuyền viên* tổ chức in và cấp Sổ thuyền viên theo quy định tại Thông tư này. | Sửa đổi cho phù hợp với thực tế |
| 4. Sổ thuyền viên đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục được sử dụng đến khi được cấp lại. Trường hợp Sổ thuyền viên không thuộc các trường hợp phải cấp lại theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Thông tư này nhưng thuyền viên có nhu cầu cấp lại Sổ thuyền viên theo mẫu mới quy định tại phụ lục I của Thông tư này thì thực hiện theo quy định tại Điều 54 của Thông tư này. |  |  |  |
| **Điều 57. Tổ chức thực hiện** |  |  |  |
| 1. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Thông tư này. |  |  |  |
| 2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. |  |  |  |